TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phương và ông Nguyễn Văn Thành

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Lý Thị Slỉnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2022/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị T sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và chỗ ở: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn 19/9/2008. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, khi chị sinh cháu Hoàng Thục T vào năm 2009 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do chị và anh

Hoàng Văn N không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, anh Hoàng Văn N đánh chị, chưa xảy ra thương tích nhưng việc cãi chửi nhau và đánh chị thường xuyên vô cớ, chị cố chịu đựng vì các con. Đến tháng 12 năm 2021 chị không chịu được nữa đã phải đi ở thuê trọ cùng cháu út là Hoàng Kiến V, từ đó đến nay không ai quan tâm ai, thỉnh thoảng chị về thăm 03 con thì anh Hoàng Văn N lại chửi và dọa giết chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Có 04 con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009; cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011, cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020. Khi ly hôn chị Dương Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Thị Thu H và cháu Hoàng Kiến V, yêu cầu anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi cháu Hoàng Thục T và cháu Hoàng Huyền T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị hiện nay làm tự do, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị cũng có chỗ ở ổn định tại Khu C, thị trấn L, huyện L, đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2022 và tại buổi hòa giải b*ị đơn anh Hoàng Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, việc kết hôn đúng như chị Dương Thị T trình bày. Trong quá trình sống, anh chị không có mâu thuẫn gì, anh cho rằng chị Dương Thị T có quan hệ ngoài luồng, anh chỉ biết là tên S, địa chỉ và họ tên đầy đủ không biết, anh đã báo Ủy ban nhân dân xã Đ lập biên bản. Anh chị cũng đã ly thân được 02 năm, chị Dương Thị T sống cùng cháu Hoàng Kiến V, anh sống cùng 03 con gái lớn. Anh Hoàng Văn N xác định tình cảm vợ chồng với chị Dương Thị T vẫn còn, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Trường hợp chị Dương Thị T cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Có 04 con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009; cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011; cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 cháu, không yêu cầu chị Dương Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang đi làm thợ xây, thu nhập hiện nay hơn 10.000.000 đồng/tháng. Nhà ở hiện nay là của anh, nên chỗ ở ổn định, đất của bố mẹ anh. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tống đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý,

thời hạn chuẩn bị xét xử và các nhiệm vụ quyền hạn khác của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định từ Điều 239 đến Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn N được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn N đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Dương Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn N. Anh Hoàng Văn N nhất trí ly hôn trường hợp chị Dương Thị T cương quyết. Tại các phiên tòa anh Hoàng Văn N vắng mặt không có lý do.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn N không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Có 04 con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009; cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011; cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020. Từ khi ly thân các con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009; cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011; cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 sống chung sống với anh Dương Văn Nhì; con chung là cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020 sống chung với chị Dương Thị T. Khi ly hôn chị Dương Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 04 người con chung, chưa bên nào có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cả hai bên đều cung cấp là có thu nhập tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ kèm theo để chứng minh, cháu Hoàng Kiến V còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cháu Hoàng Thị Thu H có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Dương Thị T; các cháu Hoàng Thục T và Hoàng Huyền T có nguyện vọng được sống với bố là anh Hoàng Văn N, cháu Hoàng Thị Thu H hiện nay đang sống với bố là khi chưa ly thân thì chị Dương Thị T cũng sống cùng anh Hoàng Văn N tại nhà anh Hoàng Văn N cùng các con chung, khi ly thân chị

không đem theo cháu được lý do sợ anh Hoàng Văn N gây khó khăn nên phải đợi Tòa án giải quyết mới mang cháu theo, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu cần giao cháu cho mẹ là chị Dương Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Hoàng Kiến V chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì phải giao trực tiếp cho người mẹ nuôi. Còn các cháu Hoàng Thục T và cháu Hoàng Huyền T có nguyện vọng ở với bố, chị Dương Thị T cũng nhất trí. Từ những phân tích trên đề nghị giao 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009 và cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 cho anh Hoàng Văn N là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020 cho chị Dương Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do bên nào do các bên chưa có yêu cầu. Do anh Hoàng Văn N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 nên buộc anh Hoàng Văn N phải có nghĩa vụ giao cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 cho chị Dương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung không có do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là phiên tòa mở lần 2, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Văn N, cư trú tại Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn N được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tú Đoạn theo Giấy chứng nhận số 32/2008, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 19/9/2008. Theo nguyên đơn là chị Dương Thị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hiểu nhau, thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm, anh Hoàng Văn N có hành vi đánh chị, chị Dương

Thị T và anh Hoàng Văn N đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn anh Hoàng Văn N cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn do anh đi làm xa, chị Dương Thị T có quan hệ ngoài luồng nhưng không đưa được căn cứ để chứng minh, anh cũng xác nhận vợ chồng đã ly thân, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn tuy nhiên chị Dương Thị T cương quyết ly hôn anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn N đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Hoàng Văn N nhất trí ly hôn và cũng không đến tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không thể ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn N có 04 con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009; cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011; cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020. Từ khi ly thân các con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009; cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011; cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 sống chung sống với anh Dương Văn Nhì; con chung là cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020 sống chung với chị Dương Thị T. Khi ly hôn chị Dương Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 04 người con chung, chưa bên nào có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cả hai bên đều cung cấp là có thu nhập tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ kèm theo để chứng minh, cháu Hoàng Kiến V còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cháu Hoàng Thị Thu H có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Dương Thị T; các cháu Hoàng Thục T và Hoàng Huyền T có nguyện vọng được sống với bố là anh Hoàng Văn N, cháu Hoàng Thị Thu H hiện nay đang sống với bố là khi chưa ly thân thì chị Dương Thị T cũng sống cùng anh Hoàng Văn N tại nhà anh Hoàng Văn N cùng các con chung, khi ly thân chị không đem theo cháu được lý do sợ anh Hoàng Văn N gây khó khăn nên phải đợi Tòa án giải quyết mới mang cháu theo, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu cần giao cháu cho mẹ là chị Dương Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Hoàng Kiến V chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì phải giao trực tiếp cho người mẹ nuôi. Còn các cháu Hoàng Thục T và cháu Hoàng Huyền T có nguyện vọng ở với bố, chị Dương Thị T cũng nhất trí. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009 và cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 cho anh Hoàng Văn N là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020 cho chị

Dương Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do bên nào do các bên chưa có yêu cầu. Do anh Hoàng Văn N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 nên buộc anh Hoàng Văn N phải có nghĩa vụ giao cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 cho chị Dương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết; nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2008, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 19/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thục T, sinh ngày 16/01/2009 và cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 27/3/2014 cho anh Hoàng Văn N là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 và cháu Hoàng Kiến V, sinh ngày 08/5/2020 cho chị Dương Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do bên nào do các bên chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Do anh Hoàng Văn N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 nên buộc anh Hoàng Văn N phải có nghĩa vụ giao cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 04/01/2011 cho chị Dương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo quy định.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, xác nhận chị Dương Thị T đã nộp đủ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005121 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện , tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai